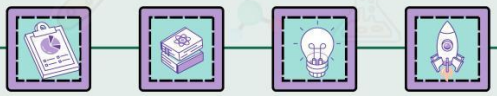
Họ và tên: Lớp:

LUYỆN TẬP
MOL VÀ TỈ KHỐI CHẤT KHÍ



Câu 1: Công thức đúng về khối lượng mol

A $M = \frac{n}{m}$ (g/mol)

B $M = \frac{m}{n}$ (g/mol)

C $M = n.m$ (g/mol)

D $m = \frac{n}{M}$ (g/mol)

Câu 2: Tỉ lệ giữa khối lượng mol của khí A (M_A) và khối lượng mol của khí B (M_B) được gọi là

A Khối lượng mol

B Thể tích mol

C Tỉ khối của khí A đối với khí B

D Mol

Câu 3: Biết 0,05 mol chất X có khối lượng là 3,6 gam. Khối lượng mol phân tử của chất X là

A 56 (g/mol)

B 72 (g/mol)

C 57 (g/mol)

D 24 (g/mol)

Câu 4: Công thức đúng về tỉ khối của chất khí A đối với không khí là

A $d_{\frac{A}{kk}} = M_A.29$

B $d_{\frac{A}{kk}} = \frac{M_A}{29}$

C $d_{\frac{A}{kk}} = \frac{29}{M_A}$

D Cả A, B, C đều sai

Câu 5: Số phân tử $FeCl_2$ có trong 1 mol $FeCl_2$ là

A $6,022.10^{23}$

B $18,066.10^{23}$

C $6,022.10^{32}$

D $9,022.10^{23}$

LIVEWORKSHEETS

Câu 6: Ở điều kiện tiêu chuẩn (25 C và 1 bar), n mol chiếm thể tích là

A V= 22,4.n (L)

B V= 22,79.n (L)

C V= 24,79.n (L)

D V= 2,24.n (L)

Câu 7: Thể tích của 0,15 mol khí CO_2 ở điều kiện tiêu chuẩn là

A 3,72 lít

B 0,372 lít

C 37,2 lít

D 372 lít

Câu 8: Lượng chất nào sau đây chứa số mol nhiều nhất

A 16 gam O_2

B 16 gam $CuSO_4$

C 8 gam SO_2

D 32 gam Fe_2O_3

Câu 9: Khí CO_2 nặng hơn hay nhẹ hơn không khí bao nhiêu lần

A Nhẹ hơn không khí 4,20 lần

B Nhẹ hơn không khí 2,1 lần

C Nặng hơn không khí 3 lần

D Nặng hơn không khí 1,52 lần

Câu 10: Dãy chất khí đều nhẹ hơn không khí là

A CO_2, SO_2, O_3

B Cl_2, SO_2, CO_2

C NO_2, H_2, SO_3

D NH_3, H_2, CH_4

THE END

LIVEWORKSHEETS